

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72/2025/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi, hội thi
trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 343/TTr-UBND ngày 07/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nội dung, mức chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị và tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Nội dung, mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi và nguồn kinh phí

1. Nội dung chi, mức chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

a) Chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo thực tế, gồm:

Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi (nếu có);

Chi thuê địa điểm thi, địa điểm làm phách, chấm thi (nếu có);

Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, nguyên vật liệu, trang thiết bị, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ ra đề, in sao đề thi, tổ chức thi, làm phách, chấm thi, phúc khảo; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi, phúc khảo;

Các khoản chi phục vụ hoạt động của các Hội đồng ra đề thi, hội đồng in sao đề thi (nếu có).

b) Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại cho những người tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi: mức chi theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và các quy định hiện hành.

c) Chi tiền công cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ trong công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết*).

d) Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo khác chưa quy định tại Nghị quyết này, mức chi cụ thể tương ứng với nội dung chi tại Điều c, khoản 1, Điều 2 được quy định cụ thể như sau:

Kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cấp tỉnh tổ chức được áp dụng tối đa bằng 80% mức chi tại Nghị quyết này;

Kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cấp trường trung học phổ thông, cấp phường, xã tổ chức được áp dụng tối đa bằng 70% mức chi tại Nghị quyết này;

Kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cấp trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở tổ chức được áp dụng tối đa bằng 60% mức chi tại Nghị quyết này.

2. Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian tổ chức các nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

3. Nguồn kinh phí cho công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi được sử dụng từ nguồn ngân sách sự nghiệp giáo dục; nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp và nguồn thu khác theo quy định của pháp luật. Riêng thi tuyển sinh đầu cấp được sử dụng từ nguồn thu dịch vụ tuyển sinh theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hiệu lực thi hành

a) Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 11 năm 2025.

b) Bãi bỏ toàn bộ các nghị quyết sau: Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định nội dung, mức chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định nội dung chi, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khoá XIX, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Việt Oanh

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2025/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025
của HĐND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi (nghìn đồng)	Ghi chú
	Các kỳ thi: Tuyển sinh vào lớp 10, tốt nghiệp THPT, lập đội tuyển HSG tham dự thi chọn HSG quốc gia, chọn HSG quốc gia, chọn học sinh giỏi cấp tỉnh			
1	Tiền công ra đề thi			
1.1	<i>Xây dựng ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi (Chủ trì; các thành viên)</i>			
	- Chủ trì (Chủ tịch, P. Chủ tịch)	Người/ngày	550	
	- Các thành viên	Người/ngày	400	
1.2	<i>Ra đề thi để xuất đối với đề thi tự luận</i>			
	- Thi lập đội tuyển tham dự kỳ thi chọn HSG Quốc gia	Đề theo phân môn	900	
	- Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đề	700	
	- Thi tuyển sinh (hệ Chuyên)	Đề	600	
	- Thi tuyển sinh (hệ đại trà)	Đề	500	
1.3	<i>Ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm</i>			
	- Thi lập đội tuyển tham dự kỳ thi chọn HSG quốc gia	Người/ngày	700	
	- Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Người/ngày	600	
	- Thi tuyển sinh vào lớp 10 (hệ Chuyên)	Người/ngày	600	
	- Thi tuyển sinh vào lớp 10 (hệ đại trà)	Người/ngày	500	
2	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
2.1	<i>Xây dựng ma trận đề thi và phê duyệt ma trận đề thi, bản đặc tả đề thi (Chủ trì; các thành viên)</i>			
	- Chủ trì (Chủ tịch, P. Chủ tịch)	Người/ngày	550	
	- Các thành viên	Người/ngày	400	
2.2	<i>Soạn thảo, rà soát, chọn lọc thẩm định, chỉnh sửa và biên tập câu hỏi</i>			
	- Soạn thảo câu hỏi thô	Câu	56	
	- Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	48	
	- Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	40	

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi (nghìn đồng)	Ghi chú
	- Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	28	
	- Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi theo hướng chuẩn hoá	Câu	8	
2.3	Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm (Chủ trì; các thành viên)			
	- Chủ trì	Người/ngày	550	
	- Các thành viên	Người/ngày	400	
2.4	Phân tích kết quả thi thử nghiệm theo từng đề thi	Báo cáo/môn	1000	
3	Tiền công cho các chức danh là thành viên các Hội đồng/Ban/Tổ			
3.1	Ban chỉ đạo/Ban Tổ chức/Hội đồng thi			
	- Trưởng ban/Chủ tịch	Người/ngày	600	
	- Phó Trưởng ban/Phó Chủ tịch	Người/ngày	500	
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	350	
	- Công an, bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	230	
3.2	Ban Thư ký/Tổ thư ký Kỳ thi			
	- Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	550	
	- Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	450	
	- Ủy viên	Người/ngày	350	
3.3	Hội đồng/Ban đề thi			
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	600	
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban (24/24h)	Người/ngày	500	
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
	- Ủy viên, thư ký, giám sát vòng trong (24/24h)	Người/ngày	400	
	- Ủy viên, thư ký vòng ngoài	Người/ngày	350	
	- Công an vòng trong (24/24h)	Người/ngày	350	
	- Công an vòng ngoài	Người/ngày	230	
	- Bảo vệ, phục vụ, y tế	Người/ngày	230	
3.4	Hội đồng/Ban in sao đề thi			
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	550	
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban (24/24h)	Người/ngày	500	
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
	- Ủy viên, thư ký, giám sát vòng trong (24/24h)	Người/ngày	350	
	- Ủy viên, thư ký vòng ngoài	Người/ngày	350	
	- Công an vòng trong (24/24h)	Người/ngày	350	
	- Công an vòng ngoài	Người/ngày	230	
	- Bảo vệ, phục vụ, y tế	Người/ngày	230	
3.5	Thành viên vận chuyển và bàn giao đề thi/bài thi			

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi (nghìn đồng)	Ghi chú
	- Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	400	
	- Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	380	
	- Thành viên, công an	Người/ngày	350	
	- Phục vụ, lái xe	Người/ngày	230	
3.6	Hội đồng/Ban coi thi			
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	550	
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
	- Ủy viên, thư ký, CBCT/Giám thị, giám sát, công an làm nhiệm vụ trực bảo vệ đề, bài thi	Người/ngày	350	
	- Công an, quân đội	Người/ngày	230	
	- Bảo vệ, phục vụ, y tế	Người/ngày	230	
3.7	Điểm thi			
	- Trưởng điểm	Người/ngày	450	
	- Phó Trưởng điểm	Người/ngày	400	
	- Ủy viên, thư ký, CBCT/Giám thị, giám sát, công an làm nhiệm vụ trực bảo vệ đề, bài thi	Người/ngày	350	
	- Công an, quân đội	Người/ngày	230	
	- Bảo vệ, phục vụ, y tế	Người/ngày	230	
3.8	Hội đồng/Ban/Tổ làm phách			
	- Chủ tịch/Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	550	
	- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	450	
	- Ủy viên, thư ký, giám sát	Người/ngày	350	
	- Công an vòng trong	Người/ngày	350	
	- Công an vòng ngoài	Người/ngày	230	
	- Bảo vệ, phục vụ, y tế	Người/ngày	230	
3.9	Hội đồng/Ban: Chấm thi, Giám khảo, phúc khảo, thẩm định			
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	550	
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
	- Ủy viên, thư ký, giám sát, công an làm nhiệm vụ trực bảo vệ bài thi	Người/ngày	350	
	- Cán bộ chấm thi/Giám khảo, chấm kiểm tra, chấm thẩm định, chấm phúc khảo, kỹ thuật viên	Người/ngày	500	
	- Công an	Người/ngày	230	
	- Bảo vệ, phục vụ, y tế	Người/ngày	230	
	- Tổ trưởng, tổ phó tổ chấm (ngoài tiền công chấm thi)	Người/Đợt	300	
	- Cán bộ chấm thi/Giám khảo là các chuyên	Người/ngày	Mức chi thù	

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi (nghìn đồng)	Ghi chú
	gia thuê ngoài (nếu có)		lao giảng viên, báo cáo viên theo NQ HĐND tỉnh hiện hành	
3.10	<i>Các Hội đồng xét tuyển sinh đầu cấp phổ thông/Xét công nhận tốt nghiệp THPT</i>			
	- Chủ tịch	Người/ngày	500	
	- Phó Chủ tịch	Người/ngày	450	
	- Thư ký	Người/ngày	400	
	- Ủy viên	Người/ngày	350	
	- Phục vụ	Người/ngày	230	
4	<i>Công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; Giám sát hoạt động đoàn thanh tra</i>			
	- Trưởng đoàn/Tổ trưởng giám sát	Người/ngày	550	
	- Phó Trưởng đoàn	Người/ngày	450	
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	400	
	- Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	400	
5	<i>Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên trong các Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi; Hội đồng/Ban/Tổ làm phách; Hội đồng/Ban chấm thi, phúc khảo, thẩm định (nếu có) trong những ngày tập trung cách ly</i>			
	- Tiền ăn trong thời gian thực tế ra đề thi; in sao đề thi; làm phách; chấm thi, phúc khảo, thẩm định (nếu có).	Người/ngày	225	
	- Tiền ăn trong thời gian cách ly còn lại mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi; in sao đề thi; làm phách; chấm thi, phúc khảo, thẩm định (nếu có).	Người/ngày	150	
	- Giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác ra đề, sao in đề, làm phách.	Người/ngày	40	
	- Giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo, chấm thẩm định.	Người/ngày	20	